

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 7- 2017

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm– Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 62A ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Trường T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 62A ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2017, được bổ sung ngày 21 tháng 6 năm 2017 chị Nguyễn Thị Bích T trình bày là vào năm 1989 chị Nguyễn Thị Bích T và anh Tạ Trường T1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và xa nhau từ tháng 01/2011 đến nay, nguyên nhân là do anh T1 không quan tâm đến gia đình và không chăm sóc con cái. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu xin ly hôn anh T1; về nuôi con chung: Quá trình sống chung, chị T và anh T1 có 03 con chung tên là Tạ Minh T2, sinh năm 1990, Tạ Minh T3, sinh năm 1997 và Tạ Minh T4, sinh ngày 18/9/2002. Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Minh T4, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với

Tạ Minh T2 và Tạ Minh T3 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại tờ tường trình ngày 13 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, anh Tạ Trường T1 trình bày là anh T1 thống nhất với ý kiến của chị T về thời gian cưới, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn và xa nhau từ tháng 01/2011 đến nay. Do không còn tình cảm với chị Thủy, nên anh T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T; về nuôi con chung: anh T1 thống nhất có 03 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh T1 đồng ý giao con chung Tạ Minh T4 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đối với Tạ Minh T2 và Tạ Minh T3 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Bích T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Tạ Trường T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh T1 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T1 có địa chỉ cư trú: Số 62A ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Từ năm 1989 đến năm 2017, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Tạ Trường T1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là thật, được các đương sự thừa nhận và có xác nhận ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, về việc không tìm thấy tên của chị T, anh T1 trong sổ đăng ký kết hôn để chứng minh.

Pháp luật quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không tuân thủ về đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên khi chị T yêu cầu xin ly hôn, mặc dù anh T1 đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để công nhận thuận tình ly hôn mà cần xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Tạ Trường T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung;

Chị T và anh T1 thống nhất có 03 con chung Tạ Minh T2, sinh năm 1990, Tạ Minh T3, sinh năm 1997 và Tạ Minh T4, sinh ngày 18/9/2002, hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu T4.

Xét thấy từ khi chị T và anh T1 xa nhau đến nay, thì chị T là người nuôi dưỡng con chung Tạ Minh T4 và chăm sóc con chung chu đáo, cháu T4 ý kiến mong muốn được sống chung với chị T và khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4, anh T1 cũng đồng ý giao cháu T4 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Tạ Minh T4, sinh ngày 18/9/2002 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn chị T và anh T1 cùng thống nhất, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, phù hợp với quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Đối với con chung Tạ Minh T2 và Tạ Minh T3 đã trưởng thành, chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân;

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Tạ Trường T1.

2. Về nuôi con chung;

2.1. Giao con chung Tạ Minh T4, sinh ngày 18/9/2002 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu T4 hiện do chị T nuôi dưỡng).

2.2. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 16464 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

